
**XIN LƯU Ý:
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHẬP
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.
XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN.**

Đại Điền Tôn - Đại Hội

<blockquote>Kalama tri ân bạn buithibuukim ghi chép.</blockquote>

[07/02/2022 - 01:15 - buithibuukim]

KINH ĐẠI ĐIỀN TÔN - (Mahagovindasuttam)

Maha: lớn

Govinda: con bò chúa, con bò đầu đàn (gava: con bò + inda : chúa, trùm)

Tuy nhiên đây là tên người.

Nội dung: lần đó có một vị trời, vị thiên tử chủng loại Càn thất bà đàn ca hát xướng rất giỏi. Vị này đến núi Linh Thú lễ Phật và kể hầu Ngài câu chuyện cũ trong một lần Pháp hội trên cõi Dao Lợi. Các vị nào có đọc Kinh Đế Thích Sở Vấn của Trường Bộ hoặc các vị có đọc qua bài viết của chúng tôi có tựa đề là ‘Bản tình ca duy nhất trong Kinh điển Pali’ thì có lẽ các vị còn nhớ nhân vật này.

Trong thời Thế Tôn mới thành Đạo chưa kịp đi hoằng Pháp, có một thân một mình chưa có học trò đệ tử gì hết, thì ông Pancasikha này đến lễ Phật. Ông ôm một cây đàn bằng gỗ beluva (tên một loại danh mộc) đến hát cúng dường Đức Phật. Nội dung bài hát đó là những lời nhắn gửi của ông cho một người tình ông rất thương. Đó là cô Suriyavachasa, con gái của vua càn thất bà Timbaru. Cô này không thương ông mà đem lòng yêu một người khác là con trai của thiên tử Matali, là người đánh xe cho thiên vương Đế Thích.

Đời xưa trong một tiền kiếp thời Đức Phật Ca Diếp thì Pancasikha là một đứa bé mục đồng có tâm lành. Đi chăn bò chăn dê cho người ta mà rú bè bạn thấy đường hư thì sửa, thấy cầu gãy thì dựng lại, thấy người cơ nhỡ, già cả, neo đơn thì giúp này giúp kia, giúp được gì thì giúp, tức chăn bò mà có lòng hào sảng, vị tha. Làm lành vậy nhưng yếu mệnh, khi chết rồi tánh ham chơi vẫn còn nên về trời sanh vào chủng loại Càn thất bà và xuất hiện trong hình dáng của một vị tiên đồng. Cả đời như vậy bao nhiêu triệu năm trôi qua vẫn sống trong hình dáng của một tiên đồng (tiên mà là tiên thiếu nhi) đầu có 5 chỏm tóc đào. Chỉ riêng vàng ngọc đeo trên người là hàng ngàn tấn. Đẹp vậy mà có điều trẻ con, rồi đem lòng thương cô Suriyavachasa. Rồi buồn tình sáng tác bài hát đại khái nói là giống như người tu tìm đến Đạo giải thoát tha thiết Niết bàn thế nào thì ta cũng nhớ thương nàng như vậy.

Khi Đế Thích xuống hầu Phật, Đế Thích trước cái chết thì sợ không biết chết rồi đi về đâu thì vua cùng với Pancasikha này xuống trần gặp Phật. Đêm đó Ngài đang ở trong cái hang núi. Vì lòng tôn kính Thế Tôn nên Đế Thích không dám trực tiếp tới mà kêu Pancasikha đi vô trước xin phép Đức Phật. Gặp thế Tôn rồi Pancasikha mới nhắc lại chuyện xưa. Là ngày đó trong thời gian của chư thiên thì không có bao nhiêu nhưng thời gian của nhân loại thì cũng hơi lâu lâu nhiều năm. Khi Thế Tôn mới thành Đạo dưới gốc bồ đề, con có đến con hát cúng dường bài hát như bài hồi này con mới vừa hát. Ông hát lại bài hát đó lần nữa thì Đức Phật hỏi người học ở đâu, ai dạy bài hát có nội dung vừa đời vừa đạo vừa trầm luân vừa giải thoát như vậy. Ông mới nói dạ đó là do con thương Phật,

con kính Phật cộng với nỗi thất tình cộng ghép lại con ra bài hát đó thôi. Bạch Thế Tôn, đêm nay Thiên vương Đế Thích muốn hầu Thế Tôn mà sai con đến thưa với đức Thế Tôn để xin phép trước. Thì khi Đức Phật cho phép, Thiên vương Đế Thích mới đi vào hỏi Đạo, và Đức Phật giảng xong bài Kinh “Đế Thích Sở Vấn” (chúng ta sẽ học trong thời gian sắp tới). Sau khi nghe xong thì thiên vương Đế Thích chết tại chỗ (do tuổi thọ đến đó đã mãn) rồi tái sinh trở lại làm thiên vương Đế Thích trong một hình hài mới. Khổ nỗi trên cõi trời vị trời mà sống mãi kiếp rồi hay là mới lên trên đó thì hình dáng giống nhau y chang, không có trẻ hơn mà cũng không già đi. Nên vị này chết rồi tái sinh trở lại trong cương vị Đế Thích ngay trước mặt Đức Phật. Chuyện đó chỉ có hai người là Thế Tôn và bản thân vua trời Đế Thích biết thôi. Lúc đó thiên vương Đế Thích đã chứng quả Dự lưu rồi. Để cảm ơn Pancasikha đã tiến dẫn xin phép cho mình vào hầu Phật bữa đó thì vua thiên vương có hứa là bằng vào uy tín và quyền lực của mình vua sẽ can thiệp cho Pancasikha được cưới Suriyavacchasa như một cách trả ơn vậy.

Bắt đầu bài Kinh có nói đến nhân vật Pancasikha thì tôi điểm sơ cho bà con nghe là vậy.

Núi Linh Thứu : Tàu dịch là Linh Sơn để nghe có vẻ linh thiêng, vì chữ ‘thứu’ có nghĩa ‘con kên kên’ – Mỹ dịch là Vulture’s peak (đỉnh núi của con kên kên).

Đêm nay trên núi Linh Thứu thì Pancasikha đến lễ Phật, và kể hầu Ngài một câu chuyện đã xảy ra trong một kỳ Pháp hội trên cõi Đạo Lợi mà ông có mặt. Trong buổi Pháp hội đó có Tứ thiên vương của cõi Tứ thiên vương lên, và Đế Thích, nghĩa là chư thiên ở hai cõi Dục thiên thấp nhất họp mặt nhau. Trong buổi Pháp hội đó (như hôm qua chúng tôi nói), mỗi tháng chư thiên đều có 8 ngày thuyết Pháp. Người thuyết là vị Phạm thiên nào đó hay là Đế Thích, hay một vị thiên tử nào đó, một tỷ kheo nào đó từ cõi người. Thí dụ thời mà Giáo Pháp còn thì có thể có vị tỷ kheo dưới đây lên, như ngài Mục Kiền Liên chẳng hạn. Còn thời không có Giáo Pháp thì có thể Phạm thiên Đế Thích hoặc thiên tử nào đó thuyết. Trong buổi Pháp hội hôm đó thì Đế Thích là người thuyết giảng.

Đế Thích giảng về 8 Pháp đặc biệt của Đức Phật:

1. Đức Như Lai sống với lòng thương đời.
2. Nội dung chánh Pháp được Thế Tôn thuyết giảng hội đủ 6 đặc điểm, thường được gọi là hồng ân Pháp Bảo (bài Svakkhato ...).
3. Pháp Phật có nội dung rõ ràng, dễ hiểu, dễ theo.
4. Con đường và cứu cánh hành trì luôn là một, không mâu thuẫn chống trái nhau.
5. Thầy trò là một dòng chảy không phân biệt, không chia lìa.
6. Phật nhận kính lễ cúng dường với tâm buông bỏ.
7. Nói và làm đi đôi.
8. Lời dạy hiện tại của Ngài nhất quán với truyền thống chánh Pháp 3 đời và bản thân Ngài không còn chút gì nghi hoặc về điều mình làm và nói. Điều này rất khó. Thí dụ hôm nay vị Pháp sư giỏi gì thì giỏi thì cũng có chỗ kẹt, chưa đọc cái đó thì không biết. Như ngài Xá Lợi Phất có lần ngài tán thán Đức Phật:

“Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng trong quá khứ và trong tương lai không bao giờ có một vị nào vĩ đại hơn Thế Tôn, nhiều lắm là bằng thôi chứ không thể nào hơn được”

Đức Phật ngài hỏi ngược lại rằng Xá Lợi Phất có biết gì về Giới – Định – Tuệ và sự giải thoát của chư Phật trong ba đời mười phương hay không mà Xá Lợi Phất nói như vậy. Thì ngài Xá Lợi Phất nói: “Dạ, trong cảnh giới chư Phật thì con không có khả năng biết được. Con chỉ biết truyền thống chung của chư Phật, những nét lớn của chư Phật đó là điều hành trì Bốn Niệm Xứ mà thành Đạo. Con chỉ biết vậy thôi”.

Có nghĩa là ngài Xá Lợi Phất cũng còn có chỗ không biết. Nhưng riêng Đức Phật nói riêng và chư Phật ba đời mười phương nói chung thì các ngài HOÀN TOÀN KHÔNG CÓ CHỖ NÀO KHÔNG BIẾT. Trong Kinh còn ghi rõ có những tình huống mà Đức Phật suy nghĩ rằng khi gặp hoàn cảnh như này thì chư Phật quá khứ đã làm sao? Có vị nào gặp hoàn cảnh như thế này chưa, và trong trường hợp đó thì chư Phật đã làm sao? Ngài suy nghĩ vậy không phải ngài không biết. Nhưng đó là truyền thống mà chư Phật, chữ Tathagata là Như Lai (có nghĩa là đến với cuộc đời này và rời khỏi cuộc đời này theo cái cách của chư Phật ba đời, luôn luôn giống nhau không có khác, hoàn toàn

không nghi hoặc. Chính vì hoàn toàn không còn điềm gì nghi ngờ hoang mang nữa hết nên lời dạy của Ngài hoàn toàn nhất quán xuyên suốt trùng khớp với chánh Pháp ba đời mười phương.

Đó là 8 Pháp mà ngài Minh Châu dịch là Tám Pháp như thật:

1/ Pháp như thật đầu tiên không ai chối cãi, phủ nhận được, là sự có mặt của đức Thế Tôn trong thế gian này hoàn toàn là vì lòng đại bi.

Chú giải có ghi rõ, ở đây chúng tôi nói sơ thôi, là Thế Tôn từ thời sơ phát Bồ đề tâm thì trong các tám thân sanh tử của Ngài, đầu là voi là rồng, là con người thì trong mọi hình thức tái sinh Ngài thường xuyên hy sinh thân mạng của mình để hoàn thành Đạo nghiệp Phật quả. Để chi? – Để giúp ích cho vô lượng chúng sinh. Chớ chỉ riêng Ngài thì cách đây 20 a tăng kỳ về trước nếu muốn thì Ngài đã chứng quả La Hán và Niết bàn. Thậm chí Chú giải cũng xác định là cách đây 4 a tăng kỳ, nghĩa là gần hơn một chút, ngay dưới chân đức Phật Nhiên Đăng, Bồ tát Sumedha đã trải mình cúng dường cho Đức Phật, thì lúc đó nếu muốn, Ngài chỉ cần xô dịch cái ý muốn một chút thôi là Ngài không nghĩ tới chúng sinh mà chỉ nghĩ tới bản thân thôi thì ngay dưới chân đức Phật Nhiên Đăng Ngài đã hoàn toàn đủ sức để trở thành một vị La Hán lục thông Tam minh và Tứ tuệ phân tích.

Chúng ta nhớ chỗ này, một vị Bồ tát trong khi hạnh trí tuệ (pannadhika) thì trong lần thọ ký (được chư Phật chánh đẳng giác xác nhận) đầu tiên, thì trong lần thọ ký đó, nếu nói về cơ duyên giác ngộ thì vị đó nếu muốn có thể chứng La Hán cùng Tứ tuệ phân tích (vô ngại). Còn cái hạnh đức tin (saddhadhika) thì lần đầu tiên được thọ ký vị đó đủ duyên để chứng lục thông. Còn vị hạnh Tinh tấn (viriyadhika) thì trong lần thọ ký đầu tiên vị đó đủ duyên để chứng La Hán Tam minh. Khác nhau một chút vậy đó.

Tại sao chúng tôi phải nói rõ cái này? – Bởi chúng tôi muốn nói rằng vì lòng đại bi, không nghĩ tới mình mà nghĩ tới người khác cho nên các ngài mới tiếp tục đi thêm một quãng đường dài thăm thẳm để cuối cùng thành Phật độ cho nhiều người khác. Chớ còn riêng phần ngài muốn dứt sanh tử thì đã dứt rồi.

2/ Pháp như thật thứ hai Thế Tôn thuyết giảng luôn luôn có nội dung hướng thượng chớ không hướng hạ. Đưa người ta đi lên và đi ra sanh tử, chớ không đưa người ta đi xuống hoặc đi vô.

3/ ‘Akaliko’ có nghĩa ở đời này nhân và quả có thể cần đến một ngày hai ngày, một đời hai đời nhưng khoảng cách nhân quả giữa Đạo với Thánh quả thì chỉ một sát na trước và một sát na sau.

Akaliko có 2 nghĩa: Một là thời gian nhân quả giữa Đạo và Quả không xen kẽ. Đây là một chuyện mà trên đời này không có trường hợp nào khít rịt nhau như vậy. Thứ hai, giáo Pháp của Ngài có giá trị ngàn đời, không vì thời gian mà giá trị lời dạy phai phôi, nên cũng gọi là akaliko.

‘Ehipassiko’ cũng gọi là thách thức thử nghiệm. Nghĩa là ai nghi ngờ chánh pháp thì hãy tìm hiểu và hành trì. Có những tôn giáo, giáo lý họ e ngại sự phân tích, sự rạch ròi, sự chia chẻ. Đối với giáo pháp chư Phật, một là anh không hiểu, còn hai là anh hiểu lắm, chớ nếu anh hiểu đúng thì chánh pháp chỉ đem lại niềm tin và trí tuệ cho người khác thôi. Nên chánh Pháp của Đức Phật gọi là thách thức thử nghiệm.

Sanditthiko nghĩa là tự mình thấy: tức là không có cha, mẹ, vợ, chồng, con cái, thầy trò, bè, bạn, thân nhân, láng giềng thân quen cỡ nào cũng không có chuyện người này đắc dùm người kia, mà phải tự mình thân chứng thể nghiệm.

Đạo này phải là đạo của người có trí, đến để mà thấy chớ không phải đến để mà tin. Tinh thần Phật Pháp là ‘Phúc thay cho kẻ nào tìm hiểu rồi mới tin và tin rồi vẫn tiếp tục tìm hiểu’, chớ không phải ‘Phúc thay cho kẻ nào chưa thấy đã tin’.

Đặc điểm thứ ba Pháp như thật của Thế Tôn là Thế Tôn đã hướng dẫn con đường rõ ràng. Toàn bộ Phật Pháp tám muôn bốn ngàn pháp môn được giảng trong 45 năm hoàng hóa độ sinh, Ngài nói đến cả tỷ vấn đề nhưng nội dung gom lại chỉ có hai: một là chuyện nên tránh. Hai là chuyện nên làm.

Buổi giảng ngày hôm qua bài Kinh Janavasabha, trong đó có phần rất quan trọng, đó là ba con đường tu chúng mà Đức Phật dạy:

- Người có nghe Pháp sẽ bỏ dục bỏ ác. Chuyển hóa từ ác qua thiện.
- Nhờ nghe Pháp, người ta sẽ chuyển hóa từ thiện thô sang thiện tế (Nâng cấp cái thiện).
- Nhờ nghe Pháp mà thấy rõ rằng thiện hơn ác nhưng cái thiện thấp thì thua cái thiện cao, nhưng rốt ráo không còn thiện ác mới là cứu cánh cao nhất (Bỏ hết thiện ác).

4/ Đức Thế Tôn dạy cho đệ tử cứu cánh con đường luôn nhất quán nhau:

Có những hướng dẫn trong cuộc đời này nghe thì hay nhưng hỏi dẫn về đâu thì ông đạo sư, giáo chủ ầm ả ầm ớ. Cũng có trường hợp đưa ra một cứu cánh tu hành nghe đã thiết nhưng con đường hành trì lại mơ hồ, không đưa ra rõ ràng. Tôi xin được nói một câu dễ ghét là 99,9% Phật tử Bắc tông VN và hình như cả Tàu nữa niệm Phật (Nam mô A Di Đà) thì ok, mà hễ nói tới thiên thì cực kỳ mơ hồ. Cái gì mà ‘giữ tâm không’, rồi ‘tri vọng’ rồi ‘diệu hữu chân không’, cái gì ‘bát nhã’... rất là mơ hồ. Mà kẹt nhất, cái căn bản Sơ thiên là gì thì không nói được.

Trong Kinh điển Pali nói rõ: một là mình không biết gì hết, còn hai thì phải biết rõ ràng Sơ thiên là gì, Nhị thiên là gì, Thân quán niệm xứ là gì, Tâm quán niệm xứ là gì, Sắc uẩn là gì ... phải nói rõ ràng, đầu cho mình trả lời như con kén nhưng mà phải nói rõ ràng.

Đức Thế Tôn thì dạy con đường hành trì và cứu cánh hoàn toàn tuyệt đối ăn khớp nhau. Ăn khớp như thế nào? – Các vị nghe lại:

Diệt Đế là gì? – Diệt Đế là sự vắng mặt của Tập Đế. Mà Đạo Đế là gì? – Đạo Đế là con đường đi ngược lại tinh thần của Tập Đế.

Tôi nhắc lại, mọi hiện hữu là Khổ Đế vì mọi hiện hữu nằm trong ba khổ.

Mà Tập đế là nguyên nhân sanh khổ. Định nghĩa Tập đế là niềm đam mê trong Khổ đế. Mà Khổ đế là mọi hiện hữu, thì Tập đế là niềm đam mê trong các hiện hữu.

Diệt Đế là sự vắng mặt của Tập Đế.

Và Đạo Đế là con đường hành trì đi ngược lại Tập Đế. Có nghĩa là anh hành trì Bát chánh đạo, hành trì Tam học.

Hành trì là sao? – Là anh không tiếp tục thích trong 3 khổ nữa. Đủ duyên, anh thành thánh, thiếu duyên thì anh cũng được an lạc hiện tiền, hiện tại lạc trú. Nó phải rõ ràng. Tôi nhắc lại, Niết bàn là gì? – Niết bàn là sự vắng mặt của tham ái. Tứ niệm xứ là gì? – Tứ niệm xứ là sự kịp thời ghi nhận phiền não đang xảy ra. Nó phải ăn khớp từ con đường hành trì cho đến cứu cánh như vậy.

5/ “Thế Tôn đã đào tạo một chúng thiện hữu, một chúng hữu học đi trên nẻo Đạo và các lậu tận đã hoàn tất. Ngài và các đệ tử là một”.

Nghĩa là có rất nhiều Đạo sư, nhiều giáo chủ nhìn thì tốt nhưng giữa Đạo sư và các đệ tử có một khoảng cách rất lớn: phạm phu không bao giờ chạm vào nhau. Đây cũng vậy: Chỉ có thánh nhân mới hòa tan vào nhau, còn phạm phu thì không. Vì phạm phu hễ cùng lo một việc thì thương nhau mà cùng thích một món thì ghét nhau, đó là một quy luật. Thứ hai, là mỗi người theo đuổi một cái tôi riêng thì làm sao có thể hòa tan vào nhau.

Ở đây thì khác. Thế Tôn là bậc đã lìa khỏi phiền não. Ngài không còn cái gì Ngài thích, cũng không còn cái gì ghét. Mà đệ tử Ngài cũng không còn cái gì ghét không còn cái gì thích. Giữa các vị hoàn toàn không có một biên giới, vì giữa các Ngài hoàn toàn không có ý niệm ‘tôi là’, ‘của tôi’. Không có ý niệm ông A bà B, thằng Tý thằng Tèo gì hết. Tất cả chỉ là nhất thiết pháp giới vô ngã vô thường. Tất cả chỉ là những giọt nước trong một đại dương không bờ mé, không giới tuyến.

Còn mình, riêng khoản tu Bôn vô lượng tâm là làm không nổi rồi. Nghĩa là thương người mà không phân biệt thân, sơ, thù, bạn là mình đã làm không nổi, nói chi sự quán chiếu danh sắc, quán chiếu năm uẩn, 12 Xứ, 18 giới, mình làm không nổi! Chúng ta có đoàn kết, có hòa hợp, có Giới hòa đồng tu, có Kiến hòa đồng giải đến mức nào đi nữa thì các vị phải đồng ý với tôi: ngày nào chưa bỏ thân kiến thì vẫn còn có ‘cái tôi’ và ‘của tôi’. Mà hễ còn có cái tôi và của tôi, khi mình đã xác định cái tôi là mình đã kín đáo xác nhận thằng Tý nó là thằng Tý, mà thằng Tèo nó là thằng Tèo.

Nhưng ở đây thì giữa Ngài và các đệ tử là những giọt nước biển trong một đại dương. Trong tiếng Pali là ekaramata, nghĩa là ‘chung vui’ (giang sơn thu về một mối, thiên hạ nhất thống).

6/ Thế Tôn được kính lễ cúng dường nhưng Ngài luôn luôn nhận những thứ đó với tâm buông bỏ.

Trong Chú giải nói dài lắm, nói những chuyện hơi phong thần nhưng ở đây tôi kể vắn tắt. Là chư thiên, Càn thất bà, Long vương, Kim sí điều, Dạ xoa, nhân loại, thiên long bát bộ, tám chúng, sa môn, Bà la môn, chư thiên, Ma vương, Phạm thiên ... tất cả những người có chánh kiến (số người không thích Thế Tôn thì không nói), chỉ nói những người kính mến Thế Tôn thì con số đó không thể tính đếm được. Nhưng thế Tôn trước sau như một, chẳng hạn tới đây tôi giảng Kinh Đại Hội các vị sẽ thấy khiếp. Trong đại hội đó thiên chúng đổ về không thể đếm bằng số được. Chỉ đếm bằng

các hội chúng thôi: hội chúng Càn thất bà, hội chúng Long vương... Riêng trong đó hội chúng nào mà gọi là tam nhân (tái sinh bằng tâm có trí) thì có số người chúng La Hán là một tỷ! Trong khi đó mình thấy thời gian Ngài giảng A Tỳ Đàm trên cõi trời là 800 triệu (non một tỷ, trong đó có đủ các tầng thánh. Có vị đắc Sơ, nhị, tam, tứ quả lung tung). Nhưng riêng đêm này trong bài Kinh Đại Hội (Ngài giảng 6 lục đại chân Kinh). Tôi xin lục đề chỗ này: Chúng tôi rất muốn in lại 6 bài Kinh đó để chiêm nghiệm, để cho Phật tử đọc tụng mỗi lần họ đến đạo tràng Vietheravada bên Đức mà có điều cái đám đó mặt họ khờ quá không biết đọc có hiểu hay không(?). Bài Kinh Đại Hội đó chỉ diễn ra đến nửa khuya thôi mà số người chúng Quả là một tỷ (kotisatasahassa arahattappatta):

- ko ti: 10 triệu (7 số zero)

- sata: 100 (2 zero)

- sahasa 1.000 (3 zero) -> tổng cộng kotisatasahassa là 1 tỷ (12 số zero).

Một tỷ vị chúng La Hán! Các vị tướng tượng chỉ riêng quả vị La Hán một tỷ người thì cái hội chúng đó đông cỡ nào. Một lát nữa tôi giảng Kinh Đại Hội các vị mới thấy hết hồn. Chư thiên sắc tế đó nghe, mà đông đến mức có những vị họ đứng nghe Pháp mà phải đứng bên đảo Tích Lan. Bởi một phần là không gian chật chội, một phần những vị mà oai lực họ kém họ gặp những vị đức độ nhiều họ thấy nóng nảy khó chịu. Họ không ngồi gàn được. Họ phải lùi, lùi riết mà Đức Phật ở trên núi Hymalaya ngài giảng mà coi như số chư thiên về họ tránh, họ lẩn lẩn riết mà có một cô tiên nữ phải đứng bên đảo Tích Lan cô nghe mới ghê, đông vậy đó!

Thế Tôn trước sau như một, nét mặt không bao giờ thay đổi. Ngài ở một mình cũng nét mặt đó, có một bà lão ăn mày quỳ đánh lễ Ngài cũng nét mặt đó. Một bà hoàng hậu, một ông tướng quân, một đại gia, một hoàng đế, cả một triều đình quỳ lạy dưới chân Ngài cũng nét mặt đó. Tám ngàn vị tỷ kheo quỳ lạy dưới chân Ngài cũng nét mặt đó. Hàng triệu Phạm thiên, chư thiên lạy Ngài cũng nét mặt đó. Cả một hội chúng hàng tỷ thiên chúng về lễ Phật thì gương mặt Ngài cũng như vậy đó, không hề thay đổi. Ngài luôn luôn nhận sự kính lễ và cúng dường của chư thiên và nhân loại bằng một trạng thái tâm buông bỏ tuyệt đối. Bởi vậy trong đêm sắp thành Đạo, Kinh nói Ngài nằm thấy 5 điềm đại mộng, trong room còn nhớ không?

Ngài thấy Ngài đi kinh hành trên một ngọn núi toàn là phân người mà coi như bàn chân không có dính. Sau này khi thành Phật rồi Ngài mới kể đó là điềm báo Ngài nhận được lễ bái cúng dường của vô số chúng sinh trong các cõi, trong vô lượng vũ trụ, vô lượng thế giới nhưng tâm Ngài không bị dao động.

7/ Nói & làm đi đôi:

Thế Tôn nói sao thì làm vậy, làm sao thì nói vậy, có nghĩa là các vị La Hán không hề giả dối, nhưng có những điều vị Thịnh Văn chỉ có thể nói dùm vị khác. Nghĩa là có những hạnh lành các ngài không bì được với người khác, nên các ngài chỉ nói dùm thôi. Các vị có nghe kịp không? – Thí dụ như một vị La Hán luôn luôn tán thán hạnh lành của vị khác. Vị đó nói rằng tôn giả A, tôn giả B, sư A sư S gì đó tâm từ bi vô lượng tế độ chúng sanh không ngại nắng gió mưa sương, dãi dầu sương tuyết đi hoằng Pháp, đó là vị khả kính... Nói tùm lum, cuối cùng bản thân ngài, phiền não ngài thì hết rồi nhưng ngài khen vị kia thì thôi, riêng ngài thì chuyện hoằng Pháp ngài không mặn mà lắm. Hoặc một vị La Hán khen như khen ngài A Nan, đó là vị đa văn, học tập không biết mỏi mệt, trí nhớ không giới hạn. Ngài khen ngài Rahula đệ nhất hiếu học v.v... và v.v... khen, nhưng bản thân mình thì chỉ hết phiền não, khen thì khen chớ không phải cái gì khen mình cũng làm nổi.

Nhưng riêng chư Phật thì không. Chư Phật đúng không giả dối nhưng còn thêm nữa là bất cứ điều tốt lành nào Ngài nói ra cũng đều hoàn toàn làm được. Không có bất cứ điều gì tốt trên thế gian này mà đệ tử có thể sánh bằng chớ đừng nói hơn Ngài. Thí dụ ngài Ca Diếp ở trên núi trị hạnh đầu đà vậy mà về gặp Phật ngài vẫn quỳ dập đầu trán dưới chân đức Phật ngài đánh lễ năm vóc sát đất, tâm phục khẩu phục, là bởi ngài biết Thế Tôn dầu ở trong hương thất sang trọng, dầu Thế Tôn trưa nay mới dùng cơm trong hoàng cung của vua thì ngài Ca Diếp vẫn biết rất rõ là Thế Tôn dùng bữa trưa trong hoàng cung hay dùng miếng bánh ở ngoài rẫy ngoài nương chỉ có một cái tâm thôi chớ không có hai. Ngài biết rất rõ. Biết rõ là dầu Thế Tôn qua đêm trong một hang động hay một lâu đài vàng son thì cũng một tâm đó thôi. Trước sau chỉ có một thôi. Người như vậy dù ở núi hay ở trong hoàng cung cũng vậy thôi. Trong giới Thịnh Văn ngài Ca Diếp là vua đầu đà nhưng phải nói so với bản

hạnh của Thế Tôn thì bản hạnh của ngài Ca Diếp không bằng một phần tỷ. Bởi Thế Tôn thực hành hạnh đầu đà không biết vô số kiếp. Chẳng những vậy, đầu đà mà để hoàn tất Phật quả thì cái đó mới ghê. Tức là nói sao làm vậy, làm sao nói vậy là vậy đó.

8/ Thế Tôn vượt khỏi nghi hoặc là sao? – Nghĩa là vị Thịnh văn còn có chỗ không biết nhưng Thế Tôn, Chánh Đẳng Giác thì không còn có chỗ nào không biết. Chính từ chỗ không có gì Ngài không biết cho nên không còn nghi hoặc. Do vậy lời Ngài tuyệt đối thuận ứng với Chánh Pháp muôn đời.

Tại hội chúng đó, khi thiên vương Đế Thích giảng như vậy xong thì có một số vị nói thế này: “Trời đất ơi, xuất sắc, xuất sắc, vi diệu, thù thắng! Ước gì được 4 Chánh Đẳng Giác thì thế gian này được lợi lạc biết bao nhiêu!”. Có vị mới nói : ‘Cần gì bốn, ba vị Chánh Đẳng Giác là tuyệt vời’. Vị kia nói: ‘Ba vị quá nhiều, chỉ cần hai vị giống như Thế Tôn thì chúng ta tha hồ ân triêm lợi lạc. Pháp vũ tước nhuần khắp nhân thiên ba cõi’. Thì Đế Thích mới chốt lại bằng câu đanh thép: “Thưa quý ngài khả kính. Không bao giờ có chuyện trong một thái dương hệ, trong một vũ trụ mà lại có đến hai vị Chánh đẳng Giác cùng lúc xuất hiện không trước không sau. Xưa giờ chưa bao giờ có vậy. (Bây giờ chúng ta học thêm điều đó nữa, tức là không bao giờ có hai vị Chánh Đẳng Giác cùng xuất hiện).

Nói đến đây thì có một luồng ánh sáng từ phương Bắc xuất hiện. Lúc đó chư thiên các vị nói với nhau là có thể Phạm thiên sẽ đến với chúng ta. Đúng vậy, một lát sau Phạm thiên Sanamkumara (vị mà mình mới học hôm qua). Vị này thường xuất hiện ở cõi Đạo Lợi trong hình dáng của thiên tử Pancasikha ta vừa nhắc đến ở đầu Kinh. Ở Kinh Janavasabha cũng có nói đến chi tiết này.

(À quên, bài hôm qua, chỗ nói về ba con đường tu chúng, ở số (2): nhờ nghe Đạo mà chuyển hóa cái thiện từ thấp lên cao, từ thô sang tế. Thì chỗ đó trong Chú giải có nói đến các đề mục. Đề mục nào chỉ có thể dẫn đến Cận định thôi. Đề mục nào chỉ có thể dẫn đến Sơ thiên thôi. Đề mục nào chỉ có thể đến tam thiên, Tứ thiên thôi. Và đề mục nào chỉ có thể dẫn đến thiên Vô sắc. Xin mua rồi đọc cuốn A Tỳ Đàm bìa xanh của chúng tôi).

Trở lại bài, ông Phạm thiên Sanamkumara này thường xuyên xuất hiện ở cõi đạo Lợi trong hình hài của Pancasikha. Chú giải nói hình dáng tiên đồng của Pancasikha rất được lòng nhiều vị trời trên Đạo Lợi. Chỉ có bà Suriyavacchasa thấy yêu ông này như yêu con nít, giống như thương em trong nhà thì thấy có hơi sốc. Trong tình cảm nam nữ bà hơi đặt vấn đề, đòi hỏi nhân dáng của đôi phương một chút. Chớ còn trong tâm tình chung chung thiên chúng mà nói ai cũng thấy hình dáng tiên đồng đầu tóc năm chòm ai cũng thương hết. Nên Phạm thiên Sanamkumara đã thường xuyên xuất hiện ở cõi Đạo Lợi trong hình dáng của vị Pancasikha này.

Đế Thích sau khi kể lại cho Phạm thiên Sanamkumara nghe 8 Pháp đặc biệt của Thế Tôn xong rồi, Phạm thiên này mới hỏi: “Các vị bây giờ mới thấy Thế Tôn vĩ đại hay sao? Theo các vị chẳng lẽ Thế Tôn bây giờ mới đại trí tuệ như vậy hay sao? Thôi thì tôi xin kể hầu quý vị một câu chuyện mà nghe xong các vị sẽ biết tôi muốn nói về ai”.

Thế là Phạm thiên Sanamkumara mới kể lại câu chuyện xưa. Câu chuyện đại khái:

Kiếp xưa Bồ tát Thích Ca Mâu Ni có lần là một Bà la môn tên là Mahagovinda, quốc sư của 7 nước. Cha của Bồ tát Mahagovinda này cũng là một quốc sư. Sau khi bố chết Ngài được mời kế nhiệm. Ngài vẫn tiếp tục là quốc sư của 7 quốc gia! Quốc sư đây nghĩa là ngài cố vấn về những vấn đề tinh thần, tâm linh cho các vua, chớ không phải là tể tướng sắp xếp về chính trị, trị an. Đặc biệt 7 vị vua của 7 nước này coi ngài như thầy.

Do là ngày xưa có một xứ trong đó ông hoàng tử chơi thân với con mấy vị quan trọng triều. Bữa đó vui vẻ với nhau, mấy công tử con quan mới nói với hoàng tử: Mai này hoàng thượng có trăm tuổi mà ngài lên làm vua ngài nhớ tụi này nghe. Ông hoàng tử hứa. Sau này vua già, chết, ông vua trẻ lên ngôi mới nhớ lời hứa ngày xưa. Ông chia đất làm 7 phần. Mà người chia chính là Bồ tát Mahagovinda. Sau khi phân ra, nhóm 7 người này được gọi là huynh đệ Bharata. Chữ ‘Bharata’ sau này trở thành nguồn bài Kinh này, thành nguồn cảm hứng cho tác phẩm Mahabharata của văn chương Ấn Độ cổ đại. Hôm nay người Ấn Độ cũng tự gọi đất nước mình là xứ sở của huynh đệ Bharata. Đồng tiền Rupi của Ấn Độ hay mấy con tem của Ấn Độ phân tiếng Anh vẫn để Indian, nhưng phân tiếng Sanskrit họ vẫn để chữ Bharata. Họ vẫn nhận đất nước của họ là đất nước Bharata, đặc biệt vậy!

Theo Kinh điển xác nhận, nền văn minh Ấn Độ và nhân loại nói chung có những nét tương đồng rất lớn, vì nó được bảo lưu và truyền thừa thông qua các vị Phạm thiên. Chính Phạm thiên họ sống lâu từ trái đất này qua trái đất khác cho nên có những cái hay, cái đẹp họ đem dạy cho những cá nhân xuất sắc nào đó trong loài người để gây dựng nên văn minh nhân loại. Cũng từ đó có khái niệm ‘thần khai’. Thí dụ bên Đạo Hồi họ tin rằng ông Mohamed được thiên thần trao truyền cho ông bộ Kinh Coran (Quran), từ đó ông đem dạy lại cho người Hồi giáo. Ý niệm ‘thần khai’ đã hình thành và tồn tại qua suốt nhiều đời nhiều thế hệ trong lịch sử văn minh nhân loại. Hôm nay chúng ta ‘đánh đoạn’ giai đoạn trước 6.000 năm là tiền sử (nghĩa là giai đoạn đó chưa có sử sách) còn giai đoạn 6.000 năm trở lại đây là giai đoạn có sử! Thực ra lịch sử nhân loại tồn tại qua các châu lục đã chìm xuống đại dương. Có một số cái còn nằm trong lòng đất các đại lục nhưng phần lớn là đã chìm xuống. Câu ‘Thương hải hóa vi tang điền’ ý niệm đó của Tàu thật ra còn ‘mềm’. Chớ cái chuyện chỗ này là biển mai kia nó là đất, chỗ này nay là đất mai kia là biển là chuyện rất bình thường. Ai lên núi Ngũ hành Sơn VN thấy trong lòng núi có những vỏ sò vỏ ốc. Nghĩa là có những hang động ngày xưa nằm dưới biển giờ nó trôi lên thành hang động trong núi.

Sở dĩ chúng tôi nói các truyền thống văn hóa của nhân loại trên hành tinh này được bảo lưu và truyền thừa thông qua các trung gian gián tiếp và trực tiếp của Phạm thiên là sao? – Là các vị đó đem những điều hay cái đẹp của thế hệ này qua thế hệ khác, của trái đất này của hành tinh khác để dạy lại cho những cá nhân xuất sắc. Những cá nhân đó mới trao lại những thế hệ kế thừa. Mà thế hệ kế thừa có hai loại: kế thừa có phê phán và kế thừa không phê phán, kiểu ù lì, kế thừa trong cái mù mịt, trong cuồng tín không có sáng tạo hoặc không hiểu được thâm ý của tiền nhân.

Sau khi đất nước được chia thành 7 phần cho 7 anh em cùng làm vua hết, nhóm đó gọi là Bharata và họ coi ông Govinda này vừa là thầy vừa là cha. Họ đồn thổi nhau là cái gì Mahagovinda cũng biết. Trong tín ngưỡng của người Ấn Độ xưa thì họ tin bậc minh triết nhất trong nhân loại phải là người có thể tiếp xúc được với Phạm thiên. Từ nền tảng của niềm tin đó người ta thêu dệt rằng bản thân Govinda cũng là người từng thấy và từng tiếp xúc Phạm thiên. Mahagovinda có liêm sĩ biết mình bất xứng với danh tiếng đó nên đã thật lòng cầu Đạo.

Nội dung giáo lý Veda mỗi thời mỗi khác nhưng theo giáo lý Kinh Veda thì thời hoàng kim có nhắc đến việc tu tập thiền định Samatha (chớ bây giờ thì khác). Nhờ vậy nhiều vị Bà la môn biết rằng vấn đề đại nhân tướng, hảo tướng một vị Phật, họ mới biết chuyện tu thiền. Ông Mahagovinda này thông qua Kinh Veda của thời đó nên ông biết là muốn tiếp xúc Phạm thiên phải tu tập tâm bi. Từ một mảng nội dung của Veda ông biết được phép tu thiền Vô lượng tâm. Ông tu mấy tháng trời không kết quả. Lúc đó Phạm thiên Sanankumara biết được. Phạm thiên Sanankumara đã từng gặp nhiều vị Phật quá khứ, từng biết rõ là vị này đã được thọ ký, biết nhân vật này là ai. Trong niềm thao thức trần trở của nhân vật này rất cần đến sự giúp đỡ của mình. Mà Dục thiên Đế Thích hay Ma vương không có khả năng rồi nên vị Sanankumara này mới xuống gặp Bồ tát Govinda. Chỗ này ta phải mở ngoặc bởi vì nó rất quan trọng: Không phải ai cũng đủ phước đủ duyên để nhận được sự giúp đỡ của những nhân vật quan trọng như vậy, vì chúng ta phải dọn lòng (làm sạch cái tâm, lòng luôn mở rộng, không câu chấp, không tà kiến, luôn sẵn sàng tiếp thu học hỏi điều lành điều thiện) và phải tạo nhiều phước.

Đọc kỹ trong Kinh điển thấy chư vị Bồ tát có một điều rất đặc biệt là gặp điều kiện làm phước thì các ngài làm ngay. Và dầu sanh ra có đắc thiên hay có học hành thế nào đi nữa Bồ tát có hạnh rất đặc biệt, là toàn bộ hành trình tu tập của Bồ tát trong vô lượng kiếp nói chung và trong kiếp chót nói riêng là chuyện gì hay ngài luôn học hỏi nhưng Bồ tát luôn luôn ĐAI KỶ một chuyện là thỏa mãn quá sớm với điều mình có.

Tôi đang nói chuyện Phạm thiên mà phải mở ngoặc chỗ này. Tại sao Phạm thiên xuống gặp con người này (Bồ tát)? – Vì con người này là người luôn mở lòng ra đón nhận gió mới. Còn mình thì sao? – Luôn luôn những điều mình biết là võ lâm vô địch, chí tôn vô thượng! Đó là cái bậy nhất của mình mà nếu tôi là Phạm thiên mà tôi biết vậy, có thấp nhang tôi cũng không thèm xuống! Cái người đó hiếu học nhưng phải luôn ở trong tình trạng sẵn sàng biết nghi ngờ con đường dưới chân mình. Nói vậy không phải tôi kêu các vị đa nghi, không phải. Nhưng phải biết luôn đặt vấn đề, có

khả năng đặt vấn đề khi gặp sự cố sự kiện, chớ không phải lúc nào cũng khur khur, khur khur là không được!

Cho nên thứ nhứt là phải tạo phước. Thứ hai, cái lòng phải luôn mở ra, không cố chấp, không chìm sâu trong ngộ nhận. Trong 2 điều kiện này thì chúng ta rất dễ dàng nhận được sự giúp đỡ, sự tiếp sức của người khác, cho dầu đó là của chư thiên, Phạm thiên hay một cá nhân loài người nào đó. Đây ta biết thêm không phải ngẫu nhiên một người tu hành không ra gì, không trần trở thao thức mà Phạm thiên xuống, không phải dễ đâu.

Thì Phạm thiên biết rất rõ đây là một vị Bồ tát nên Phạm thiên mới xuống giúp. Bữa hôm chúng tôi có giảng Kinh Đại Duyên, trong đó nói rõ là mấy vị Phạm thiên trên cõi Tịnh Cư luôn giúp mấy vị Bồ tát kiếp chót bằng cách hiện ra cho thấy mấy cảnh người già người bệnh, người sắp chết và người xuất gia. Trước khi giúp mấy vị Phạm thiên nghĩ gì? – Nghĩ rằng con người này giống như một con voi đang bị lọt sinh. Con voi chỉ cần ra khỏi đồng sinh này thì nó sẽ là một con voi ngon lành trong khu rừng này. Nhưng khổ nỗi giờ nó đang lọt sinh. Cái vị này giờ đang còn đắm say trong 5 dục. Bây giờ chỉ cần cho vị này thấy mấy cảnh đó là kéo voi ra khỏi đồng sinh. Trong room còn nhớ hình ảnh này không ta?

Thế là Phạm thiên Sanamkara xuất hiện và giảng cho Bồ tát Mahagovinda nghe về con đường tu hành. Khi Bà la môn Mahagovinda nhìn thấy Phạm thiên thì ngài suy nghĩ mình sẽ hỏi gì đây: ‘Chuyện trước mắt trong đời sống thông thường thì mình biết cũng hơi nhiều. Giờ mình hỏi chuyện đời sau kiếp khác đi’. Thì ngài hỏi: ‘Tu tập như thế nào mới chứng được cứu cánh giải thoát không còn già chết nữa’. Phạm thiên trả lời:

“Ai bỏ ngã, ngã sở, tâm chuyên chú nhất cảnh, tu tập đại bi tâm, thoát ly mọi xú uế, lánh xa mọi tà dục, an trú ở nơi đây để chứng quả bất tử”.

Amagandhha: hỏi thúii

Bồ tát nghe, Bồ tát nói ‘Từ bỏ ngã và ngã sở tôi hiểu’ (Tôi mở ngoặc nói thêm cái này, mình người VN mình đọc ngã, ngã hữu mình ngạc nhiên mình thấy lạ, sao Bồ tát giới dữ, ông nghe ông hiểu liền. Không phải. Đồng ý ngài trí tuệ, nhưng trong bản Pali thì nghĩa sáng trưng: ‘Từ bỏ ‘cái tôi’ và ‘của tôi’’. Bồ tát nghe vậy mới hiểu chớ mình người VN mà nghe ‘ngã’ và ‘ngã sở hữu’ thì ‘mệt’ quá!

Bồ tát nghe thì Bồ tát hiểu là từ bỏ ý niệm ‘tôi’ và ‘của tôi’ thì tôi hiểu. Phạm thiên mới hỏi ‘Hiểu kiểu nào?’ – Tôi hiểu là bỏ hết gia đình rồi xuất gia đi tu.

Câu ‘Tâm chuyên nhất cảnh’ tôi cũng hiểu là bỏ hết sự rối rắm của 5 trần và sống ở một chỗ hoang vắng chỉ có mình mình.

‘Tu tập từ bi tâm’ có nghĩa là rải tâm từ của mình ra các phương các hướng không có phân biệt giới tuyến biên giới. Nhưng câu ‘Lánh xa mọi xú uế’ thì tôi không hiểu xú uế là gì’.

Phạm thiên trả lời, xú uế đó là nói dối, sân si, gian trá, hà tiện, ngã mạn, ganh tị, muốn tùm lum. Nói chung các phiền não chính là cấu uế, tu là phải bỏ mới mong đạt cứu cánh giải thoát.

Bồ tát nghe vậy nói: ‘Theo lời ngài nói thì có lẽ phải đi tu rồi. Chớ ở ngoài đời làm sao mà bỏ hết mấy cái này được’. Phạm thiên nói: “Ngài thấy được thì ngài làm đi”

Bồ tát quyết định xuất gia, mới từ giã 7 ông vua. Họ nói tự dưng khơi khơi mà ngài kêu đi cũng khó, hãy cho chúng tôi 7 năm để dần xếp. Bồ tát nói: ‘Không, 7 năm quá nhiều’. Họ nói ‘Cho tôi xin 7 tháng’. Bồ tát nói ‘Không, 7 tháng quá nhiều’. Họ nói ‘7 ngày đi’, thì Bồ tát ok. Sau đó bắt đầu kéo nhau nguyên một đám đi tu hết, tổng cộng mấy chục ngàn người gồm vua chúa, tướng lãnh, thứ phi, hoàng hậu. Trong số đó có 700 vị Tịnh hạnh (Tịnh hạnh Pali: Nahataka, là những tu sĩ mỗi ngày rửa tội 2 lần bằng cách tắm mình trong nước để tẩy gột).

Sau khi xuất gia, Bồ tát tu tập thiền định bằng đề mục Từ, Bi, Hỷ, Xả. Sau đó ngài đắc thiên. Một số người theo ngài cũng đắc thiên như ngài và sanh về Phạm thiên. Một số không đắc thiên nhưng làm được các công đức, chết được sanh về các cõi Dục thiên.

Khi Pancasikha kể đến đây thì ông hỏi đức Phật: Thế Tôn chắc là còn nhớ chuyện đó mà. Thế Tôn ngài xác định: đúng rồi, làm sao ta không nhớ, bởi ta chính là Bà la môn Mahagovinda, vị quốc sư 7 nước. Ngài nói câu này quan trọng: Lúc đó ta chỉ có thể hướng dẫn người ta nhiều lắm là lên Phạm

thiên, hoặc thấp một chút là Dục thiên. Nhưng bây giờ con đường ta hướng dẫn là hướng đến quả vị La Hán, tối thiểu phải là Sơ quả Tu đà hườn thông qua con đường Bát chánh đạo. Kinh ghi thế này: “Lúc còn là Bồ tát thì tối đa chỉ hướng dẫn thiên Samatha để giúp người về Phạm thiên hay các cõi Dục thiên (qua thập thiên). Chỉ khi là Phật mới có thể dạy Vipassana qua con đường Bát chánh đạo để đưa đến quả La hán”. Đây là nội dung bài Kinh Đại Điền Tôn.

*Tóm tắt nội dung bài Kinh:

Thiên tử Pancasikha đến kể lại với Đức Thế Tôn nội dung câu chuyện xưa mà phạm thiên Sanamkumara có lần kể trên Đạo Lợi. Là trong kiếp quá khứ, Bồ tát Thích Ca Mâu Ni là một vị Bà la môn đạt đến ngôi vị quốc sư 7 nước, vì muốn gặp được Phạm thiên mà đã tu tập thiền định nhưng không thành công. Phạm thiên vì cảm cái đức của ngài nên đã xuống dạy cho ngài con đường tu tập theo trình độ của Phạm thiên. Ngài nghe vậy xong ngài quyết định từ bỏ ngôi vị quốc sư 7 nước để đi xuất gia. Vua và tướng 7 nước cũng đi tu theo ngài. Sau đó thầy trò cùng tu tập thiền định với đề mục Bốn vô lượng tâm. Trong số đó những người thương căn cũng đều đắc chứng thiên định như Bồ tát. Những người kém hơn cũng được sanh về các cõi Dục thiên.

Kết thúc câu chuyện Đức Phật dạy rằng khi còn Bồ tát thì ngài chỉ có thể dạy người ta tu tập thiền Samatha để tối đa là về Phạm thiên và tối thiểu là về các cõi Dục thiên. Nay với trí tuệ của vị Chánh Đẳng Giác thì ngài có thể dạy cho người ta chứng được quả vị La Hán hoặc quả vị Dự Lưu giải thoát sanh tử chớ không phải chỉ quẩn quanh trong các cõi Phạm thiên và Dục thiên.

BÀI KINH ĐẠI HỘI – Mahasamaya sutta

Trong đời các đức Phật sống lâu thì có 3 kỳ đại hội thiên chúng. Riêng Phật Gotama chỉ có một lần thôi.

Duyên sự:

Bồ tát Tất Đạt có quê ngoại là Devadaha, quê nội là Kapilavatthu của dòng Sakya. Ranh giới của hai bên nội ngoại là dòng sông Rohini nơi 120 năm sau ngài A Nan viên tịch (Bồ tát và ngài A Nan sinh cùng một ngày). Mùa nắng năm đó nước ở kinh rạch sông ngòi khô cạn, sông Rohini cũng vậy. Hai bên nội ngoại khai thác dòng nước hiếm hoi còn sót lại, xảy ra tranh chấp, hai bên dàn binh đánh nhau. Đức Thế Tôn nghe chuyện nên Ngài xuất hiện và thuyết bài Pháp để giảng hòa hai bên. Bà con có coi tranh vẽ về cuộc đời Đức Phật sẽ thấy hình đức Phật dùng thần thông đứng trên hư không phía dưới Ngài là dòng sông, có hai đoàn quân sắp đánh nhau. Đó là nói về câu chuyện này. Sau khi hòa giải, chuyện qua rồi hai bên nội ngoại bàn với nhau, nói rằng Thế Tôn là bậc Thiên nhân sư mà vì chuyện của hai bên họ tộc mà làm kinh động phiền đến Ngài nên sám hối bằng cách mỗi bên cử 250 thanh niên xuất gia gieo duyên. Họ định cho 500 người đi tu như để xin lỗi, không ngờ 500 vị này gặp Phật thuyết Pháp rồi thì đắc hết A La Hán, không ai về hết. Ngài mới đưa 500 vị này lên núi Hy Mã Lạp Sơn. Đêm đó trên đỉnh núi Thế Tôn ngồi, chung quanh Ngài là 500 vị La hán. Một số vị trên núi lễ bái chiêm ngưỡng. Chú giải nói thiên chúng trong mười ngàn vũ trụ kéo nhau về, cao như là phạm thiên, rồi Tha hóa tự tại, Lạc thiên, Dạ ma, Đâu suất, Đạo Lợi, Tứ thiên vương, Càn thất bà, Long vương, cả loài Kim sí điều (đôi thủ của loài rồng) cũng về chung chen nhau lễ Phật, nghe Pháp.

Hồi này tôi đã nói, chỉ riêng số chúng quả La Hán là đã một tỷ, rất đông. Những vị phước kém hơn lụi riết lụi qua tới đảo Tích Lan luôn. Lúc đó Ác ma thiên tử vẫn rình theo phá Đức Phật, thấy số người đến nghe Pháp đông quá mà số đắc chắc cũng đông nên tìm cách phá. Ác ma hiện những hình ảnh âm thanh ghê rợn cho thính chúng bị phân tâm chia trí không nghe được Pháp. Đức Phật lập tức nhìn thấy. Nếu Ác ma chỉ phá riêng Ngài thì Ngài không phản ứng. Nhưng Ngài biết hôm nay đại chúng nghe Pháp số người đắc quả sẽ rất đông nên không thể để cho Ác ma phá được.

Đức Thế Tôn không làm gì đặc biệt ngoài ra một câu chú nguyện nội dung cực kỳ đơn giản, là: “Đừng có ai trong Pháp hội này nghe thấy sự có mặt của Ác ma và binh tướng”. Trong Chánh Kinh có nói khi ngài chú nguyện rồi Ngài nhắc nhở các vị tỳ kheo hãy chánh niệm. Nhưng thực ra Ngài nói vậy để cho chư thiên nghe, chớ chung quanh Ngài toàn mấy vị A La Hán đâu cần nhắc. Cho nên Chú giải nói các binh tướng hò hét, hô mưa gọi gió, phun lửa phun khói mà họ ngạc nhiên sao mấy người này ngồi tĩnh bơ mắt vẫn hướng về Đức Phật. Điểm đặc biệt là chỗ đó vì Thế Tôn đã chú nguyện rồi! Nhờ vậy Pháp hội đã diễn ra trong sự tịch mặc tuyệt đối. Tùy vào sở thích, tùy vào

duyên nghiệp, phước báo của thiên chúng mà mỗi vị đi về phó hội với một hình thức màu sắc khác nhau. Có những nhóm màu xanh, màu vàng, đỏ, tím, hồng, vàng chanh, hồng phấn, mỡ gà, đọt chuối... nên đêm đó đẹp lộng lẫy!

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn dùng Phật trí Ngài suy nghĩ: Đêm nay đại chúng về đông quá chắc chắn không thể một thời Pháp mà đáp ứng được nhu cầu tâm linh của mọi người. Ngài xét thấy chúng sanh có vô số nhưng căn cơ sở tánh gom gọn chỉ có 6 món thô: dục tánh (tham nhiều), nộ tánh (nóng nảy), độn tánh (si khờ), đăng tánh (lãng xãng), mộ tánh (nhiều niềm tin) và ngộ tánh (sáng suốt thông minh). Đêm nay 6 hạng này có đủ thì nên làm sao, nên thuyết độc giảng hay song thoại? Độc giảng, một mình Ngài nói thì hiệu quả ít hơn, bởi hình thức đó có thể không làm họ chú ý nhiều. Ngài biết họ nghe Pháp trong hình thức vấn đáp thì họ sẽ thích hơn. Nhưng ai sẽ là người đối đáp với Ngài? – Ngài xét thấy hiện giờ khi Chánh Đăng Giác có mặt thì không có Độc Giác ra đời. Nếu có Độc Giác ra đời thì Độc Giác cũng không phải là người đối thoại với Ngài. Mà nếu Độc Giác không phải là người đối thoại thì làm sao hai vị thượng thủ là ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên có thể? Nên cuối cùng Ngài quyết định tạo ra một vị hóa Phật, tiếng Pali là Nimmitabuddha.

Trong Chú giải nói rõ, lúc đó Đức Thế Tôn dùng Phật trí soi rọi Ngài thấy trong 100, 1.000, 10.000, 100.000, một triệu, mười triệu, một trăm triệu, một tỷ, mười tỷ, một trăm tỷ, một ngàn tỷ vũ trụ chung quanh Ngài không thấy có một vị Phật nào hết. Cho nên Ngài nghĩ phải tạo ra một vị hóa Phật. Ngài hóa ra một người giống như Ngài xuất hiện từ trên hư không và từ từ bước xuống. Chú giải ghi một câu rất hay mà đây cũng đáp một phần nào thắc mắc hơi kỳ của tôi, tôi nghĩ trong bụng thô. Tôi nghĩ không biết chư Phật nghĩ về nhau là như thế nào. Tôi từng nghĩ vậy. Trong thế giới phàm mình, ông bác sĩ 40 tuổi nghĩ về ông bác sĩ 60 tuổi thì xem là tiền bối. Nhưng chư Phật với nhau, Phật đời sau nghĩ về Phật đời trước, biết là bằng nhau 100% nhưng cảm giác cảm xúc ra sao, có coi là tiền bối hay không? Thì trong Chú giải giải thích thế này: Chư Phật tôn trọng nhau là vì kính PHÁP. Giống như trong đời Đức Phật chỉ có một người duy nhất mà Ngài tiền ra cửa là ngài Xá Lợi Phất. Và chỉ tiền một lần đó khi ngài Xá Lợi Phất về lễ Phật để viên tịch. Kính Pháp chớ không phải kính người.

Chú giải ghi rõ khi vị hóa Phật xuất hiện, vị đó không có chào lễ Đức Phật (giống như hai vị bằng nhau tuyệt đối). Vị này ngồi xuống bên cạnh trên một chỗ giống y như chỗ ngồi của Đức Phật. Rồi bắt đầu vị này hỏi vị kia trả lời.

Chữ ‘sanghassa’ này không phải là chư tăng, mà là thiên chúng’. Chú giải ghi:

“Lúc bấy giờ ngay trong ánh nhìn mọi người đang tập trung chú ý thì vị hóa Phật đi đến, không chào không lễ gì Đức Thế Tôn hết, mà ngồi xuống trên chỗ ngồi y chang đã được tạo ra ngay phía trước Đức Phật.

(samasamam: giống nhau, sama = the same)

Còn một đoạn trên nữa:

“Đức Thế Tôn với trí vô ngại Ngài quan sát trong chư thiên ai là người hữu duyên để Ngài độ. Ngài quan sát 6 cơ tánh chúng sinh. Thế rồi Ngài trải Phật trí Ngài ra trong vô lượng vũ trụ, để tìm có một vị Phật nào khác giống như ta hay không, nhưng không hề thấy vị nào khác.

Athassa etadahosi – “Madiso buddhoyeva sakkuneyya, atthi pana katthaci anno buddho” ti anantasu lokadhatusu anantanam patthariva olovento annam buddham na addasa.

Với hạng chư thiên dục tánh thì Ngài thuyết Kinh Samma (Kinh Chánh Xuất Gia). Hạng nộ tánh thuyết Kinh Kalahavivadasuttam. Hạng độn tánh Kinh Mahabyuhasutta. Hạng đăng tánh giảng Kinh Kulabyuhasutta. Hạng mộ tánh Ngài giảng Kinh Tuvatta. Hạng ngộ tánh thì Kinh Purabhedasuttam. Tổng cộng là Lục đại chân Kinh.

“Ragacaritanam devatanam sammaparibbajaniyasuttam kathessami, dosacaritanam kalahavivadasuttam, mohacaritanam mahabyuhasuttam, vitakkacaritanam culabyuhasuttam, saddhacaritanam tuvattakapatipadam, buddhacaritanam purabhedasuttam kathessami” tidesanam vavathapetva puna tam parisam manasakasi...

Xin xem trong Suttanipata bản tiếng Việt là Kinh Tập (Tìm trong mục lục). Nếu tìm không ra thì... Nhưng tốt hơn là để tôi về Mỹ đi, rồi nếu bà con có nhu cầu quay trở lại thì tôi sẽ quay trở lại Kinh này, nếu bà con có nhu cầu tôi quay trở lại Lục đại chân Kinh. Bà con phải biết một chuyện là, cũng

là chúng tôi, cũng là bài Kinh đó, cũng căn cứ vào Chú giải, nhưng nếu các vị nghe bài giảng của chúng tôi tháng trước tháng sau là nó đã không giống nhau. Chắc chắn nó không mâu thuẫn, nhưng cái sâu cái rộng và cái cảm hứng sẽ khác đi. Cho nên hôm nay chúng tôi giảng lại Lục đại chân Kinh thì có lẽ chúng tôi không dò từng chữ như kỳ trước nhe. Nhưng nội dung tổng quát tôi tin rằng nó sẽ khác đi. Nó sẽ dễ nghe hơn, mềm hơn, dễ nuốt dễ nhai dễ tiêu hóa.

Đại khái Kinh Đại Hội là như vậy. Chư Phật mà sống lâu thì trong đời có ba lần đại hội Thánh tăng. Nhưng riêng Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni thì Ngài thọ chỉ có 80, chỉ có 45 năm trụ thế nên trong đời Ngài chỉ có một lần đại hội Thánh tăng và một lần đại hội thiên chúng 10 phương. Thì riêng trong lần đại hội thiên chúng này, chúng tôi đã nói rõ duyên sự rồi: hai họ gây gổ nhau suýt dẫn đến chiến tranh. Sau đó sám hối Ngài bằng cách cử 500 người đi xuất gia và đều chứng quả La Hán. Từ chuyện hợp mặt của 500 vị này với Thế Tôn trên núi đã dẫn đến sự tụ hội của thiên chúng trong mười ngàn vũ trụ về hầu Phật.

Trong Pháp hội này Thế Tôn đã chọn hình thức thuyết giảng là song thoại vấn đáp. Nghĩa là Ngài tạo ra một hình thức một vị Phật khác giống y hệt như Ngài (Chú giải nói nhìn không biết vị nào là vị nào hết). Vị hoá Phật mới hỏi Thế Tôn từng vấn đề, từng nội dung bài Kinh một. Hỏi thì không nhắc tới Kinh nhưng mỗi câu trả lời của Đức Phật thì được các vị kiết tập sư về sau đặt cho một cái tên (bài Kinh). Mỗi câu hỏi có một lời đáp. Mỗi lời đáp như vậy thích hợp cho một hạng, một kiểu tâm lý đang có mặt trong thiên chúng đó. Những vị nặng về tham thì họ có bài Kinh họ nghe đắc quả. Những vị nặng về sân thì họ sẽ có bài Kinh thích hợp với họ. Tổng cộng 6 cơ tánh thì có sáu bài Kinh được thuyết giảng trong hình thức song thoại vấn đáp. Giảng xong thì riêng phần chứng quả La Hán thì trong Kinh nói rõ là một tỷ, còn số còn lại không sao đếm xiết. Và ác ma thiên tử có đến quấy rối trong Pháp hội này và đã được Thế Tôn vô hiệu hóa bằng một lời chú nguyện là ‘Mong sao cho từng người ở đây đừng biết đừng thấy đừng nghe gì về sự có mặt của Ác ma thiên tử’. Nhờ vậy Pháp hội đã diễn ra vô cùng yên tĩnh.

Ok, chúc các vị một ngày vui và chúng ta có được nguyên một tuần lễ ở không, người không giảng kẻ không nghe.

Chúc các vị một ngày vui. Hẹn gặp nhau trong tối thiểu 10 ngày nữa./.

XIN LƯU Ý:
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.
XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN.
